

V. KẾT LUẬN

Kiến thức tốt của nữ công nhân may Hưng Nhân về môi trường lao động chiếm tỷ lệ 28,2% và kiến thức tốt của nữ công nhân may Hualida chiếm tỷ lệ 9,8%.

VI. KIẾN NGHỊ

Tăng cường các lớp tập huấn, huấn luyện về môi trường lao động, an toàn lao động để nâng cao kiến thức cho công nhân dần họ sẽ thay đổi hành vi.

Tăng cường thanh kiểm tra việc sử dụng phương tiện cá nhân, củng cố các biện pháp chế tài khi không sử dụng đúng bảo hộ lao động trong quá trình làm việc tại công ty.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ kế hoạch Đầu tư và Tổng cục thống kê** (2015). Báo cáo điều tra lao động việc làm quý 1 năm 2015.
- Nguyễn Huyền Trang, Nguyễn Thúy Quỳnh, Trần Thị Thu Thủy, và cộng sự** (2015). Thực

- trạng và một số yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống của công nhân nữ tại khu công nghiệp thành phố Đà Nẵng Việt Nam năm 2014. Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV số 9 (169) 2015, 105.
- Phạm Văn Dũng** (2017), Thực trạng chăm sóc sức khỏe người lao động tại một số khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai năm 2013 và hiệu quả giải pháp can thiệp, Luận án Tiến sĩ Y tế công cộng, Viện vệ sinh dịch tễ trung ương, Hà Nội.
 - Tổ chức lao động quốc tế và tổ chức tài chính quốc tế** (2008). Một vài nét cơ bản về ILO.
 - Bùi Hoài Nam, Nguyễn Đức Trọng, Nguyễn Thị Thủy Dương và cộng sự** (2015), Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng tới sức khỏe của nữ công nhân may – Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Minh Anh. Tạp chí Y học dự phòng, Tập XXV, số 8 (168) 2015 Số đặc biệt, 508.
 - Huq M., Rahman md radibur, Shermin S., cộng sự** (2014). Reproductive Health Problems in Adolescent Female Garment Workers of Dhaka City. Bangladesh Medical Journal, 41.
 - Hasnain G., Akter M., Sharafat S.I., cộng sự** (2014). Morbidity patterns, nutritional status, and healthcare-seeking behavior of female garment workers in Bangladesh. Electron Physician, 6(2), 801–807.

CÁC YẾU TỐ DỰ BÁO LIÊN QUAN ĐẾN NHU CẦU HỖ TRỢ TÂM LÝ XÃ HỘI Ở BỆNH NHÂN UNG THƯ TẠI BỆNH VIỆN UNG BƯỚU THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kim Xuân Loan¹, Nguyễn Thị Khánh Chi¹, Huỳnh Tấn Đạt¹, Vũ Châu Giang¹, Võ Ý Lan¹, Võ Trần Trọng Bình¹, Phạm Xuân Dũng², Đỗ Văn Dũng¹

TÓM TẮT

Hỗ trợ tâm lý xã hội ngày càng được xem là yếu tố quan trọng góp phần vào cải thiện sức khỏe tinh thần, chất lượng cuộc sống và các kết quả điều trị ở bệnh nhân ung thư nói chung. Tuy nhiên, các nghiên cứu tìm hiểu về nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội của bệnh nhân ung thư tại Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội và các yếu tố dự báo liên quan đến nhu cầu này ở bệnh nhân ung thư điều trị tại Bệnh viện Ung Bướu TP.HCM. Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 370 bệnh nhân ung thư từ đủ 18 tuổi trở lên đang điều trị tại Bệnh viện ung bướu TP.HCM từ tháng 06 đến tháng 10 năm 2022. Sử dụng bộ câu hỏi có cấu trúc được soạn sẵn gồm đặc tính về nhân khẩu học, đặc điểm về tình trạng bệnh và thang đo kết quả là thang đo nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội PNI (Psychosocial Need Inventory). Kết quả từ mô hình đa biến cho thấy các yếu tố liên quan đến nhu cầu hỗ trợ

tâm lý xã hội gồm giới, học vấn, hôn nhân, bệnh kèm theo, con dưới 18 tuổi và hình thức điều trị cụ thể cho thấy nhóm đối tượng nào có điểm nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội cao với phương trình hồi quy tuyến tính đa biến $y = 3.13 + 0.25 \cdot \text{giới} + 0.13 \cdot \text{học vấn} + 0.16 \cdot \text{hôn nhân} + 0.20 \cdot \text{bệnh kèm theo} + 0.12 \cdot \text{con dưới 18 tuổi} + 0.12 \cdot \text{hình thức điều trị}$. Trong đó, điểm nhu cầu cao nhất được dự đoán cho bệnh nhân nữ, học vấn cấp 3 trở lên, có tình trạng hôn nhân là góa hoặc ly thân, có từ hai con <18 tuổi cần chăm sóc, có bệnh mạn tính kèm theo và điều trị nội trú. Các điểm số nhu cầu thay đổi tùy thuộc vào từng đặc tính nền của từng bệnh nhân. Tuy nhiên, điều này vẫn cho thấy, nhìn chung trên toàn thể các bệnh nhân ung thư trong mẫu, nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội tổng quát là cao, trong đó việc hỗ trợ cho bệnh nhân có thể được gợi ý nhiều hơn ở một số đối tượng có đặc tính khác nhau.

Từ khóa: Nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội, ung thư, các yếu tố liên quan

SUMMARY

PSYCHOSOCIAL SUPPORT NEEDS AND PREDICTIVE FACTORS RELATED TO PSYCHOSOCIAL SUPPORT NEEDS AMONG CANCER PATIENTS AT HO CHI MINH CITY ONCOLOGY HOSPITAL

Psychosocial support is increasingly recognized as

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

²Bệnh Viện Ung Bướu TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Kim Xuân Loan

Email: kimxuanloan2712@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.5.2024

Ngày phản biện khoa học: 19.6.2024

Ngày duyệt bài: 22.7.2024

a crucial factor in enhancing the mental well-being, quality of life, and treatment outcomes of cancer patients. However, studies investigating the social support needs of cancer patients in Vietnam remain limited. This study aims to identify the psychosocial support needs and predictive factors associated with this demand among cancer patients undergoing treatment at the Ho Chi Minh City Oncology Hospital. A cross-sectional study was conducted on 370 cancer patients aged 18 and older undergoing treatment at the Ho Chi Minh City Oncology Hospital from June to October 2022. Stratified sampling method was used to determine the sample size in each department, and consecutive sampling was performed in each department until the estimated sample size was reached. A structured questionnaire comprising demographic characteristics, disease status, and the outcome measure, Psychosocial Need Inventory (PNI), was utilized. The results from the multivariate model indicate that factors including gender, education, marital status, comorbidities, children under 18, and treatment modality may indicate which demographic groups exhibit higher levels of social and psychological support needs. Specifically, according to the multivariate linear regression equation $y = 3.13 + 0.25 * \text{gender} + 0.13 * \text{education level} + 0.16 * \text{marital status} + 0.20 * \text{comorbidities} + 0.12 * \text{having children under 18} + 0.12 * \text{treatment modality}$, the highest predicted support needs are for female patients with an education level of at least high school, who are widowed or separated, have two or more children under 18 requiring care, have comorbidities, and are undergoing inpatient treatment. The support needs scores vary depending on the individual background characteristics of each patient. This result underscores a general high overall demand for social and psychological support across the cancer patient population sampled. **Keywords:** Psychosocial Need Inventory need, cancer patient, related factors.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chẩn đoán và điều trị ung thư là một căng thẳng lớn trong cuộc sống đối với bệnh nhân ung thư và gia đình của họ. Kết quả từ các nghiên cứu tổng quan hệ thống đã cho thấy tỷ lệ trầm cảm, đau khổ tâm lý và lo âu là tương đối cao ở bệnh nhân ung thư, 20-30% cao hơn so với dân số chung [1]. Trong quá trình điều trị bệnh, bệnh nhân cần được hỗ trợ để đối phó với một loạt các cảm xúc đau buồn như lo lắng, trầm cảm và bối rối. Ung thư có thể làm tăng đáng kể nhu cầu hỗ trợ tinh thần của bệnh nhân. Các chính sách, nghiên cứu và thực tiễn dành cho các chuyên gia chăm sóc sức khỏe hiện nay thường đề xuất rằng nhu cầu hỗ trợ tâm lý là một thành phần thiết yếu của đánh giá chăm sóc sức khỏe toàn diện của bệnh nhân. Hỗ trợ tâm lý xã hội là một chuỗi liên tục của sự chăm sóc và hỗ trợ có ảnh hưởng đến cả cá nhân và môi trường xã hội nơi mọi người sống. Sự liên tục này bao gồm chăm sóc và hỗ trợ được cung cấp

bởi những người chăm sóc, thành viên gia đình, bạn bè, hàng xóm, giáo viên, nhân viên y tế và các thành viên cộng đồng hàng ngày [2].

Hỗ trợ tâm lý xã hội ngày càng được xem là yếu tố quan trọng góp phần vào cải thiện sức khỏe tinh thần, chất lượng cuộc sống và các kết quả điều trị ở bệnh nhân ung thư nói chung. Tuy nhiên, các nghiên cứu tìm hiểu về nhu cầu hỗ trợ xã hội của bệnh nhân ung thư tại Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội và các yếu tố dự báo liên quan đến nhu cầu này ở bệnh nhân ung thư điều trị tại Bệnh viện Ung Bướu TP HCM.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Tiêu chí chọn vào gồm bệnh nhân từ đủ 18 tuổi, có chẩn đoán xác định loại ung thư, đang điều trị nội trú hoặc ngoại trú tại bệnh viện nơi tiến hành nghiên cứu và bệnh nhân đồng ý tham gia vào nghiên cứu bằng văn bản sau khi được nghiên cứu viên cung cấp đầy đủ thông tin về nghiên cứu. Loại trừ các đối tượng không thể giao tiếp, bệnh nhân quá yếu sau điều trị hoặc có các rối loạn tâm thần được loại khỏi nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 370 mẫu dựa vào công thức ước lượng một trung bình với $\alpha=0,05$, và $d=0,05$. Độ lệch chuẩn ước lượng của dân số được tham khảo từ kết quả nghiên cứu của Israel Kristine và cộng sự [3]. Sử dụng độ lệch chuẩn ước lượng $\sigma=0,39$ của nhu cầu thông tin và hệ số thiết kế 1,5 được sử dụng để tăng tính đại diện của mẫu, dự trừ tỷ lệ mất mẫu là 5%. Sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng tại các khoa phòng Phương pháp phỏng vấn trực tiếp được thực hiện với công cụ nghiên cứu là bộ câu hỏi khảo sát có cấu trúc soạn sẵn.

Công cụ nghiên cứu: Bộ câu hỏi phỏng vấn bệnh nhân gồm các đặc điểm về dân số - kinh tế - xã hội, đặc điểm về tình trạng bệnh, và đo lường kết cuộc bằng thang đo nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội (Psychosocial Needs Inventory Scale). Thang đo PNI cho thấy có tính giá trị và độ tin cậy cao với Cronbach's Alpha là 0,96 phù hợp để sử dụng cho nghiên cứu hỗ trợ tâm lý xã hội ở bệnh nhân ung thư. Thang đo gồm 48 mục được đánh giá cho 7 nhóm nhu cầu gồm. Mỗi mục được đánh giá bằng thang Likert từ 1 đến 5 tương ứng với 1 "không quan trọng" đến 5 "Rất quan trọng".

Phương pháp thống kê: Số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1 và phân tích bằng phần mềm Stata 14. Xác định các mối liên

quan đơn biến giữa các mục nhu cầu thang đo với đặc tính nền, đặc tính lâm sàng. Hồi quy tuyến tính đa biến được thực hiện với phương pháp từng bước stepwise, sử dụng chỉ số VIF và R-squared để lựa chọn mô hình phù hợp.

Đạo đức trong nghiên cứu: Đề cương nghiên cứu đã được chấp thuận Y đức từ bệnh viện Ung bướu thành phố Hồ Chí Minh số 200/BVUB-HĐĐĐ ngày 28/05/2021.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả về đặc tính mẫu: Kết quả nghiên cứu được báo cáo cho 370 bệnh nhân ung thư đang điều trị tại bệnh viện Ung bướu TP HCM trong thời gian tiến hành nghiên cứu. Tuổi trung bình của người tham gia là $51,6 \pm 11,6$, trong đó nhóm tuổi trên 50 chiếm nhiều nhất (51,9%) và nữ giới chiếm đa số (79,2%). Về trình độ học vấn của các đối tượng, chiếm cao nhất là cấp 2 với 35,1% và thấp nhất là trình độ dưới cấp 1 với 5,1%. Nhóm nghề nghiệp chủ yếu là nội trợ (21,1%) và nông dân (20,8%). Đa số người tham gia đến từ các tỉnh thành khác ngoài TP.HCM chiếm tỷ lệ 70%. Về tình trạng kinh tế gia đình, phần lớn tự đánh giá tình trạng kinh tế ở mức đủ sống (68,9%). Tuy nhiên, có 30,8% đối tượng cho biết có trạng kinh tế thiếu hụt, khó khăn. Về tình trạng hôn nhân, phần lớn người tham gia đã kết hôn hoặc đang chung sống như vợ chồng với 74,9%. Phần lớn bệnh nhân trong mẫu có con >18 tuổi không cần chăm sóc chính chiếm 65,7%.

Đặc điểm về tình trạng bệnh: Phần lớn bệnh nhân tham gia nghiên cứu là nữ vì vậy loại ung thư phổ biến ghi nhận trong mẫu là ung thư vú, kể đến là ung thư phụ khoa (ung thư tử cung, ung thư buồng trứng, ung thư âm đạo). Bệnh nhân ung thư máu chiếm tỷ lệ 10,3%, có 5,9% bệnh nhân mắc một số loại ung thư khác, phải kể đến như ung thư phổi, gan, mô mềm.

Thời gian mắc ung thư dưới 1 năm chiếm tỷ lệ cao nhất với 69,2%, thời gian trung vị 4 (1-13) tháng. Về giai đoạn bệnh, gần một nửa (44,6%) các đối tượng không rõ giai đoạn ung thư của mình hoặc chưa xác định. Có 22,2% hiện đang điều trị ung thư tái phát, trong đó, vị trí tái phát ở cơ quan khác hay di căn xa chiếm hơn một nửa (56,1%) trong số những bệnh nhân bị tái phát ung thư.

Về các phương pháp điều trị bệnh nhân ung thư đã và/hoặc đang trải qua, đứng đầu là phẫu thuật với 67,0%, tiếp đó là hóa trị với 34,3%, chỉ có một tỷ lệ nhỏ (1,1%) người tham gia nghiên cứu đang điều trị chăm sóc giảm nhẹ.

Bảng 0.1: Đặc điểm nhu cầu hỗ trợ tâm

lý xã hội (n=370)

Đặc điểm	Trung vị (tứ phân vị)	GTNN - GTLN
Điểm nhu cầu chuyên gia y tế	4,78 (4,22 - 5,00)	2,89 - 5,00
Điểm nhu cầu thông tin	4,20 (3,60 - 4,60)	2,00 - 5,00
Điểm nhu cầu tinh cảm, tinh thần*	3,30 ± 0,77	1,20 - 4,93
Điểm nhu cầu cho bản thân	2,60 (2,00 - 3,40)	1,00 - 5,00
Điểm nhu cầu thiết thực*	3,17 ± 0,78	1,13 - 5,00
Điểm nhu cầu mạng lưới hỗ trợ	4,00 (3,00 - 4,40)	1,00 - 5,00
Điểm nhu cầu chăm sóc con	1,00 (1,00 - 2,00)	1,00 - 5,00
Điểm nhu cầu chung*	3,55 ± 0,54	2,40 - 4,83

*Trung bình ± độ lệch chuẩn

Bảng 0.2: Mô hình hồi quy đa biến với nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội chung

Đặc tính	Hệ số hồi quy	KTC 95%	Giá trị p
Giới tính			
Nam	1		
Nữ	0,25	0,12-0,38	<0,001
Trình độ học vấn			
Dưới cấp III	1		
Từ cấp III trở lên	0,13	0,01-0,24	0,030
Tình trạng hôn nhân			
Đã kết hôn/chung sống	1		
Độc thân/chưa kết hôn	0,01	(-0,19)-0,20	0,942
Ly thân/ly dị/góa	0,16	0,02-0,31	0,029
Số con dưới 18 tuổi			
0	1		
1	0,09	(-0,06)-0,24	0,233
≥2	0,20	0,06-0,35	0,007
Bệnh mạn kèm theo			
Không	1		
Có	0,12	0,0002-0,24	0,050
Hình thức điều trị			
Ngoại trú	1		
Nội trú	0,12	0,01-0,23	0,028
Hằng số	3,13		
R ²	0,0994		

IV. BÀN LUẬN

Kết quả từ nghiên cứu của chúng tôi cho thấy nhóm tuổi trên 50 chiếm 51,9% và chủ yếu là nữ. Các nghiên cứu trên bệnh nhân ung thư của tác giả Phạm Hồng Nam [4] cũng cho kết quả gần tương tự về tỷ lệ nhóm tuổi trên 50 chiếm nhiều hơn trong mẫu nghiên cứu, độ tuổi

trung bình của nghiên cứu chúng tôi là $51,6 \pm 11,6$ cũng tương đồng với nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Quỳnh [5] trên bệnh nhân ung thư thực hiện tại Bệnh viện ung bướu TPHCM $49,2 \pm 12,5$. Về giới tính, phần lớn các nghiên cứu đều ghi nhận nữ chiếm đa số so với nam giới, tuy nhiên trong nghiên cứu này ghi nhận tỷ lệ nữ trong mẫu nghiên cứu là cao hơn so với những nghiên cứu khác với tỷ lệ là 79,2%. Điều này có thể lý giải liên hệ đến loại bệnh ung thư. Trong mẫu, tỷ lệ bệnh nhân ung thư vú và ung thư phụ khoa chiếm nhiều hơn. Đa số người tham gia sinh sống tại tỉnh thành khác ngoài TP.HCM (70%), trình độ học vấn chủ yếu từ cấp 2 trở xuống (66,2%), và nghề nghiệp phần lớn là nội trợ (21,1%) và nông dân (20,8%). Các đặc tính nền chung của đối tượng bệnh nhân tại Bệnh viện Ung bướu theo chúng tôi ghi nhận từ những nghiên cứu trước đều tương tự như điều này [5-7]. Tình trạng hôn nhân chủ yếu là đã kết hôn, phần lớn đang sống cùng gia đình với vợ/chồng hoặc con cái và không có con dưới 18 tuổi cần chăm sóc chiếm đa số. Điều này hoàn toàn phù hợp với cơ cấu dân số tại Việt Nam và đặc tính sinh sống cùng gia đình và bởi phần lớn trong mẫu đều ở độ tuổi trung niên trên 50 nên tỷ lệ ghi nhận về kết hôn, sống cùng gia đình, con cái đã lớn là phù hợp với độ tuổi của mẫu.

Đặc điểm về tình trạng bệnh, loại ung thư trong mẫu nhiều nhất là ung thư vú và ung thư phụ khoa. Đặc điểm về khoa phòng nghiên cứu và loại ung thư trong mẫu có sự khác biệt so với nghiên cứu của Phạm Tiến Nam với ung thư chiếm nhiều nhất là ung thư tiêu hóa. Điều này có thể do việc lấy mẫu thuận tiện tại các khoa phòng và có thể bị ảnh hưởng ít nhiều bởi việc dễ đồng thuận tham gia nghiên cứu và trả lời câu hỏi từ nữ giới hơn so với nam đặc biệt khi bị bệnh, nhu cầu được chia sẻ nói chuyện khi bị bệnh của nữ giới cũng được cho thấy là cao hơn ở nữ so với nam bệnh nhân ung thư.

Thời gian mắc bệnh của đối tượng trong nghiên cứu chủ yếu dưới 1 năm 69,2% và thời gian trung vị là 4 tháng (1-13 tháng), tương đồng với kết quả này, phần lớn bệnh nhân chưa xác định được giai đoạn bệnh hoặc không rõ. Tỷ lệ tái phát trong nghiên cứu chúng tôi cũng thấp hơn chiếm 22,2%. Điều này có thể thấy thời gian bệnh ngắn (trung vị 4 tháng), giai đoạn bệnh còn sớm và ít hoặc chưa tái phát cho thấy khả năng của điều trị sớm cho các đối tượng và sự chủ động khám điều trị bệnh của bệnh nhân trong mẫu nghiên cứu.

Đặc điểm về nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội: các nhu cầu về sức khỏe bao gồm nhu cầu về

tâm lý xã hội được chính thức thừa nhận từ những năm 1995, trong đó nhu cầu tâm lý xã hội bao gồm các đặc điểm về chất lượng cuộc sống, các mối quan hệ xã hội, vấn đề về tâm lý tình cảm mà bệnh nhân cảm thấy cần thiết và quan trọng. Đáp ứng những nhu cầu này có thể giúp bệnh nhân vượt qua được những rào cản trong quá trình điều trị bệnh. Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội tổng quát là $3,55 \pm 0,54$, điểm số này cho thấy nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội đối với bệnh nhân ung thư được đánh giá là quan trọng và mong muốn được hỗ trợ. Cụ thể, trong 7 mục nhu cầu được đánh giá quan trọng nhất là nhu cầu về chuyên gia y tế, kế đó là nhu cầu về mạng lưới hỗ trợ, nhu cầu tình cảm tinh thần và nhu cầu ít quan trọng nhất là nhu cầu chăm sóc con cái. So với nghiên cứu của Kristine, kết quả này có khác hơn khi nhu cầu hỗ trợ tinh thần, nhu cầu tư vấn về những dịch vụ và hỗ trợ khác sẵn có được nhận định là quan trọng hơn. Nhu cầu chăm sóc con là nhu cầu thấp nhất và kết quả này tương đồng với của chúng tôi.

Kết quả từ mô hình đa biến cho thấy các yếu tố về giới, học vấn, hôn nhân, bệnh kèm theo, con dưới 18 tuổi và hình thức điều trị có thể cho thấy nhóm đối tượng nào có điểm nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội cao. Cụ thể theo phương trình hồi quy tuyến tính đa biến $y = 3.13 + 0.25 \cdot \text{giới} + 0.13 \cdot \text{học vấn} + 0.16 \cdot \text{hôn nhân} + 0,20 \cdot \text{bệnh kèm theo} + 0.12 \cdot \text{con dưới 18 tuổi} + 0.12 \cdot \text{hình thức điều trị}$. Trong đó, điểm nhu cầu cao nhất được dự đoán cho bệnh nhân nữ, học vấn cấp 3 trở lên, có tình trạng hôn nhân là góa hoặc ly thân, có từ hai con <18 tuổi cần chăm sóc, có bệnh mạn tính kèm theo và điều trị nội trú. Các điểm số nhu cầu thay đổi tùy thuộc vào từng đặc tính nền của từng bệnh nhân. Tuy nhiên, điều này vẫn cho thấy, nhìn chung trên toàn thể các bệnh nhân ung thư trong mẫu, nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội tổng quát là cao, trong đó việc hỗ trợ cho bệnh nhân có thể được gợi ý nhiều hơn ở một số đối tượng có đặc tính khác nhau.

Nghiên cứu cũng có một số điểm mạnh và điểm hạn chế mà chúng tôi muốn nêu, trước hết nghiên cứu được thực hiện với chủ đề nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội trên bệnh nhân là một trong những vấn đề y tế công cộng cần quan tâm trong tiến trình tiếp nhận và trong quá trình điều trị bệnh ở bệnh nhân, kết quả đã cho thấy nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội là cao ở bệnh nhân ung thư vì vậy việc nhận diện kịp thời các nhu cầu có thể mang lại những hỗ trợ phù hợp giúp nâng cao chất lượng cuộc sống và tinh thần của bệnh nhân. Chúng tôi cũng đề xuất những nghiên cứu

triển khai tiếp theo và tìm hiểu những cách cụ thể bằng những nghiên cứu phối hợp định tính-định lượng để có thể hiểu một cách rõ ràng hơn về từng loại nhu cầu và những khó khăn thách thức trong việc đáp ứng nhu cầu bệnh nhân quan tâm. Nghiên cứu cũng có hạn chế ở việc cỡ mẫu ước lượng phù hợp tuy nhiên vẫn còn khá ít so với các nghiên cứu quốc tế khác. Đồng thời, mẫu nghiên cứu chủ yếu là nữ nên kết quả này chỉ phần nào đại diện cho mẫu nghiên cứu.

V. LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ kinh phí bởi Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 46/2021/HĐ-ĐHYD, ngày 30 tháng 03 năm 2021.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Naser AY, Hameed AN, Mustafa N, et al.** Depression and Anxiety in Patients With Cancer: A Cross-Sectional Study. *Front Psychol.* 2021;12:585534. Published 2021 Apr 15. doi:10.3389/fpsyg.2021.585534
2. **Global Burden of Disease 2019 Cancer Collaboration, Kocarnik JM, Compton K, et al.** Cancer Incidence, Mortality, Years of Life Lost, Years Lived With Disability, and Disability-Adjusted Life Years for 29 Cancer Groups From 2010 to 2019: A Systematic Analysis for the Global Burden of Disease Study 2019. *JAMA Oncol.* 2022;8(3): 420-444. doi:10.1001/jamaoncol.2021.6987
3. **Israel KC, Baruiz CP, Solis SH.** Psychosocial needs and their determinants among patients with cancer. *SPMC J Health Care Serv.* 2016; 2(1):1. <https://n2t.net/ark:/76951/jhcs79xnr8>
4. **Phạm HN, Đặng TNT.** Các yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống của người bệnh ung thư đại tràng. *VMJ.* 2023;526(1A). doi:10.51298/vmj.v526i1A.5328
5. **Hoàng Thị Quỳnh** (2017). Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân ung thư và các yếu tố liên quan tại bệnh viện Ung Bướu Tp.HCM. *Y Học Thành Phố Hồ Chí Minh*, 21 (1), 149-158.
6. **Đinh Thị Linh Chi.** Chất lượng cuộc sống và nhu cầu hỗ trợ tâm lý xã hội ở bệnh nhân ung thư vú tại bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021. Khóa luận Tốt nghiệp YHDP 2021, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh.
7. **Võ Ý Lan** (2020). Khả năng ứng phó với chẩn đoán - điều trị và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân ung thư vú tại bệnh viện Ung Bướu Tp.HCM. *Tạp chí Ung thư Học Việt Nam*, 2 (5), 463-469.

ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG VÀ ĐÁP ỨNG STEROID TĨNH MẠCH Ở BỆNH NHÂN BỊ ĐỢT CẤP VIÊM LOÉT ĐẠI TRÀNG MỨC ĐỘ NẶNG

Đặng Minh Luân^{1,2}, Huỳnh Mạnh Tiến¹, Đinh Hoàng Trung¹, Nguyễn Đình Chương², Quách Tiến Phong², Trịnh Thị Thanh Thúy², Bùi Hữu Hoàng²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đợt cấp viêm loét đại tràng (VLĐT) mức độ nặng là một biến chứng nguy hiểm của VLĐT. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đáp ứng với steroid tĩnh mạch ở bệnh nhân Việt Nam bị đợt cấp VLĐT mức độ nặng. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Báo cáo hàng loạt ca, hồi cứu trên 14 bệnh nhân bị đợt cấp VLĐT mức độ nặng nhập viện tại Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 1 năm 2021 đến tháng 12 năm 2022. Đáp ứng với steroid tĩnh mạch được đánh giá dựa vào tiêu chuẩn Travis-Oxford. **Kết quả:** Tuổi trung vị là 41,9 tuổi và 71,4% bệnh nhân là nam giới. Thời gian trung vị từ khi khởi phát triệu chứng đến chẩn đoán là 25,6 ngày. Chỉ có 50% bệnh nhân có tiền căn được chẩn đoán VLĐT.

Giá trị trung vị của nồng độ CRP huyết thanh là 63 mg/L. 100% bệnh nhân có điểm Mayo nội soi là 2 hay 3 với 14,2% có loét sâu trên nội soi. 9/14 (64,3%) bệnh nhân đáp ứng với steroid tĩnh mạch và 5/14 (35,7%) bệnh nhân cần điều trị cứu vãn với infliximab hay tofacitinib. 100% bệnh nhân kháng steroid đều đáp ứng với điều trị cứu vãn. **Kết luận:** Steroid tĩnh mạch vẫn là chọn lựa đầu tay ở bệnh nhân Việt Nam bị đợt cấp VLĐT mức độ nặng. Tuy nhiên, khoảng 1/3 bệnh nhân không đáp ứng với steroid và cần được sử dụng các điều trị cứu vãn.

Từ khóa: Đợt cấp viêm loét đại tràng mức độ nặng, steroid tĩnh mạch, Việt Nam

SUMMARY

CLINICAL CHARACTERISTICS AND RESPONSE TO INTRAVENOUS STEROID THERAPY IN PATIENTS WITH ACUTE SEVERE ULCERATIVE COLITIS

Objective: Acute severe ulcerative colitis (ASUC) is a serious complication in patients with ulcerative colitis. This study aims to provide preliminary data of the clinical characteristics and response rate to intravenous (IV) steroid therapy of Vietnamese patients with ASUC. **Subject and method:** A

¹Đại học Y dược Thành Phố Hồ Chí Minh

²Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Huỳnh Mạnh Tiến

Email: tienhuynh@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 9.5.2024

Ngày phản biện khoa học: 20.6.2024

Ngày duyệt bài: 23.7.2024